

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 07/2019/DS - ST

Ngày: 15/10/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký TAND huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 33/2019/TLST - DS ngày 24/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST - DS ngày 15/08/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị L, sinh năm 1965. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Vũ Hồng T, sinh năm 1978. (Có mặt)

Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn Ngọc N, xã Trạm L, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lưu Thị L trình bày như sau: Do có quan hệ họ hàng với vợ chồng anh Vũ Hồng T và chị Đỗ Thị H (Dì cháu với nhau) Chị H có đặt vấn làm ăn chung với chị L, chị đồng ý và cho chị H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) và 06 chỉ vàng 9999, sau một thời gian việc làm ăn không thực hiện được chị có hỏi thì chị H nói cho cháu vay và hàng tháng cháu trả lãi cho. Ngày 28/04/2011 chị Đỗ Thị H có viết giấy biên nhận vay chị số tiền 50.000.000 đồng và 06 chỉ vàng đồng thời thoả thuận về lãi xuất. Hàng tháng chị H vẫn trả lãi cho chị được hết năm 2011. Tháng 12 năm 2012 chị H chốt sổ còn nợ chị 50.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 tiền lãi chưa trả và 06 chỉ vàng.

Ngoài số tiền, vàng chị cho chị H vay thì từ năm 2010 đến năm 2012 chị có cho anh Vũ Hồng T vay 09 chỉ vàng 9999 năm 2013 anh T đã trả chị 02 lần được 04 chỉ vàng nay anh T còn nợ 5 chỉ vàng. Chị xác định vợ chồng H, T còn nợ chị số tiền gốc là 50.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 9999.

Từ năm 2013 đến nay thì chị H, anh T chưa thanh toán trả chị số tiền lãi cũng như số tiền gốc còn nợ và 11 chỉ vàng 9999. Nay chị yêu cầu anh Vũ Hồng T và chị Đỗ Thị H phải trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 tiền lãi của năm 2012 và số tiền lãi từ tháng 01/2013 tính theo lãi suất 1%/tháng tạm tính đến hết năm 2018 là 72 tháng với số tiền 36.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 95.000.000 đồng (Chín mươi năm triệu đồng chẵn) và 11 chỉ vàng 9999.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Vũ Hồng T trình bày: vợ chồng anh có quan hệ họ hàng với bà L. Từ năm 2011 vợ chồng tôi (T) đã nhiều lần vay tiền của bà L, vay rồi lại trả. Đến năm 2012 có vay số tiền là 50.000.000 đồng và 06 chỉ vàng. Sau thời gian do làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh không trả được tiền lãi nên bà L đã nhiều lần đòi vợ chồng anh. Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả cho bà L 50.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 tiền lãi của năm 2012 và số tiền lãi từ tháng 01/2013 tính theo lãi suất 1%/tháng tạm tính đến hết năm 2018 là 72 tháng với số tiền 36.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 95.000.000 đồng (Chín mươi năm triệu đồng chẵn) và 11 chỉ vàng 9999 thì anh không nhất trí mà chỉ chấp nhận yêu cầu trả bà L số tiền là 50.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999 còn số tiền 9.000.000 đồng tiền lãi, 05 chỉ vàng và số lãi trên số tiền gốc là 50.000.000 anh không nhất trí.

Phía chị Đỗ Thị H đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và không có ý kiến trình bày về quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản hoà giải hoà giải ngày 2/7/2019 chị L rút một phần khởi kiện về số vàng và tại phiên toà hôm nay chị L xin rút tiếp một phần đối với nội dung đơn khởi kiện về số tiền lãi. Chị yêu cầu vợ chồng anh T chị H phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là: 50.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 01/2013 đến ngày hôm nay (15/10/2019) theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định.

Tại phiên toà hôm nay vợ chồng anh T chị H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng chị H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà anh T có mặt anh chấp nhận một phần trình bày của chị L về việc xin rút một phần nội dung đơn khởi kiện anh nhất trí vợ chồng anh có trách nhiệm trả cho chị Lưu Thị L số tiền gốc là 50.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999 đối

với số tiền lãi của 50.000.000 đồng từ năm 2013 đến nay anh không nhất trí tuy nhiên nay do điều kiện làm ăn khó khăn anh xin được trả nợ dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chị H không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L. Buộc vợ chồng anh Vũ Hồng T chị Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lưu Thị L tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/10/2019 là 104.755.000 đồng.

Về án phí: Buộc vợ chồng Anh T chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án cho vợ chồng anh T chị H tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án, phía anh T, chị H đã nhận thông báo thụ lý; Tại Tòa án anh Thanh đã có bản tự khai, tuy nhiên phía chị H đã không đến Tòa án để thực hiện quyền của mình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T, chị H đến tòa để tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh chị đều không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và không có ý kiến trình bày về quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và giao các văn bản tố tụng cho anh T, chị H để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị H không đến; do vậy Căn cứ khoản 2 Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Đối với giấy vay tiền ngày 01/12/2012 giữa chị Đỗ Thị H và chị Lưu Thị L là hợp pháp. Khi viết giấy vay tiền do chị H viết ký nhận thể hiện cụ thể số tiền, vàng vay và có thể hiện lãi xuất tính từ thời điểm vay. Tại thời điểm vay chị H có đủ

năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc, trong giấy vay tiền có thỏa thuận lãi xuất nhưng không cụ thể lãi xuất là bao nhiêu mà chỉ thể hiện ngày bắt đầu tính lãi. Tuy nhiên sau đó chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ phía chị L đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng anh T đều khất lần. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi; vợ chồng anh T chị H không trả cho chị L là vi phạm hợp đồng.

[3] Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn (chị L) yêu cầu vợ chồng anh T chị H phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 01 năm 2013 đến ngày hôm nay (15/10/2019) theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Chị tạm tính số tiền lãi là 39 triệu đồng. Tổng cả gốc và lãi buộc vợ chồng anh T, chị H phải có nghĩa vụ trả cho chị. 89.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 9999. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 01/12/2012, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của chị L và anh T tại phiên tòa hôm nay thì thấy đối với giấy vay tiền ngày 1/12/2012 có nội dung “..cháu H vay của dì L là 50.000.000 đồng và còn 9.0000.000 tiền lãi và 6c vàng vay từ ngày (28/4/2011) (ÂL) lãi tính bắt đầu từ ngày 1.12.2012 ÂL” chị H ký tên. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt tuy nhiên đối với số nợ này anh T thừa nhận chị H có vay và anh xác nhận vợ chồng anh có trách nhiệm trả cho chị L tuy nhiên anh đề nghị xem xét lại phần lãi xuất và số tiền 9.000.000 tiền lãi của những năm trước, đối với yêu cầu này của anh T tại phiên tòa hôm nay chị L nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng anh T chị H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi bắt đầu từ tháng 1/2013 cho tới nay theo lãi xuất Ngân hàng và 06 chỉ vàng 9999 còn các yêu cầu khác chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; Xét thấy yêu cầu này của chị L là tự nguyện, phù hợp nên cần chấp nhận.

Về lãi xuất tại phiên tòa hôm nay chị L và anh T không thỏa thuận được về lãi xuất. Phía chị L chỉ yêu cầu xem xét lãi xuất theo đúng quy định của pháp luật và chị cũng chỉ yêu cầu tính lãi bắt đầu từ tháng 1/2013 cho tới nay trên số tiền gốc là 50.000.000 đồng; Xét yêu cầu này là phù hợp căn cứ vào Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước công bố mức lãi xuất cơ bản từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm như vậy do chị L và vợ chồng anh T chị H không thỏa thuận được về lãi xuất nên cần áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và hướng dẫn theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN công bố cần buộc vợ chồng anh T chị H phải trả cho chị L số tiền lãi theo lãi xuất cơ bản là 9%/năm. Vậy tổng số tiền lãi trên số tiền gốc 50.000.000 đồng được tính lãi từ tháng 1/2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 15/10/2019 cụ thể như sau:

$$(50.000.000 \text{ đ} \times 2407 \text{ ngày} \times 9\%) : 365 \text{ ngày} = 29.675.342 \text{ đồng.}$$

Như vậy tổng số tiền lãi là: 29.675.342 đồng (Hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi năm ngàn, ba trăm bốn hai đồng) tại phiên tòa hôm nay chị Lưu Thị L tự

nguyện yêu cầu làm tròn số tiền lãi là: 29.675.000 đồng xét thấy yêu cầu này của chị L là tự nguyện, phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 06 chỉ vàng 9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo giá vàng trên thị trường do Toà án tham khảo tại các cửa hàng vàng trên địa bàn có giá là 4.180.000đồng/1 chỉ vàng 9999, như vậy tổng số 06 chỉ vàng có trị giá là:

06 chỉ vàng x 4.180.000đồng = 25.080.000 đồng

Như vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi cần buộc vợ chồng anh Vũ Hồng T chị Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lưu Thị L là 104.755.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn) trong đó gốc là: 50.000.000 đồng, tiền lãi tính tròn số là 29.675. 000 đồng và 06 chỉ vàng có giá là 25.080.000 đồng.

Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Đỗ Thị H nhưng chị Hà vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, giấy vay tiền hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại chị Lượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, Điều 144, 147, 186, khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L.

2. Buộc vợ chồng anh Vũ Hồng T, chị Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lưu Thị L tổng số tiền là: 104.755.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn) trong đó gốc là: 50.000.000 đồng, tiền lãi tính tròn số là: 29.675. 000 đồng và 06 chỉ vàng có trị giá là: 25.080.000 đồng.

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng anh Vũ Hồng T chị Đỗ Thị H phải chịu 5.237.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Lưu Thị L số tiền: 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003135 ngày 24/05/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Toà án tỉnh BN.
- VKSND huyện Thuận Thành..
- THA huyện Thuận Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)**

Nguyễn Huy Tuấn